



Perfecting the Air

VN-PLTVMT2201

50/60 Hz

R-410A



MỚI

Cassette đa hướng thổi có cảm biến và Streamer
Cassette đa hướng thổi có Streamer

FXFTQ-AVM, FXFRQ-AVM



Công nghệ Streamer của Daikin

Công nghệ Streamer của Daikin mang lại hiệu quả tối ưu trong việc làm sạch không khí, việc sử dụng các đặc tính phân hủy mạnh mẽ giúp loại bỏ các chất gây hại được phin lọc thu giữ đem lại một chất lượng không khí tốt hơn.



VRV

Dàn lạnh

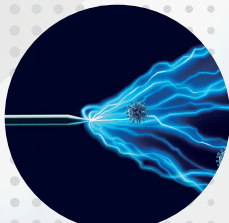


Giới thiệu công nghệ Streamer trên dàn lạnh VRV

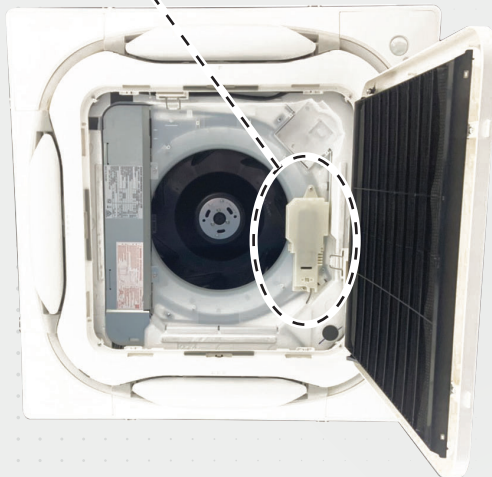
MỚI

**FXFTQ-AVM
FXFRQ-AVM**

**Công nghệ
STREAMER**



Bộ tính năng Streamer được tích hợp bên trong dàn lạnh mang lại hiệu quả làm sạch cao hơn.



Chiếu xạ streamers hoạt động khi quạt và máy điều hòa không khí dừng hoạt động. Streamer sẽ diệt khuẩn bên trong máy và trên phin lọc.

Điều khiển từ xa có dây BRC1H62W/K	Tên Model	
	FXFTQ-A	FXFRQ-A
Bộ chức năng Streamer MỚI	✓	✓
Cảm biến kép*	✓	X
Chế độ cảm biến tiết kiệm điện*	✓	X
Chế độ cảm biến dừng*	✓	X
Luồng gió tuần hoàn	X	X
Điều khiển cánh đảo gió độc lập	✓	✓
Thay đổi tốc độ quạt 5 cấp độ	✓	✓
Chức năng luồng gió tự động (Ngăn gió lùa)*	✓	X
Đảo gió tự động	✓	✓
Lựa chọn kiểu luồng gió	X	X
Lựa chọn kiểu đảo gió	✓	✓
Ứng dụng cho trần cao	✓	✓

Lưu ý: *Áp dụng khi lắp đặt mật nà cảm biến.

Ghi chú:

- Chỉ có thể kết nối bộ điều khiển từ xa không dây BRC1H62W(K) khi vận hành **Bật/Tắt** chức năng Streamer.
- Chức năng Streamer được kích hoạt khi quạt và máy điều hòa không khí dừng hoạt động. Thời lượng hoạt động tối đa của Streamer là 180 phút mỗi ngày. (Chức năng này chỉ được kích hoạt khi kết nối bộ điều khiển từ xa có dây BRC1H62W(K)).



Điều khiển từ xa có dây thời trang BRC1H62W/K

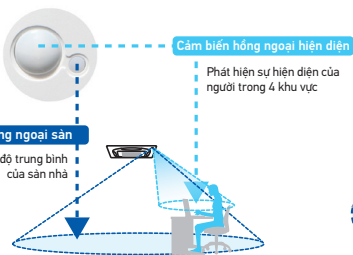
TÍNH NĂNG

FXFTQ : Cassette Đa hướng thổi có Cảm biến và Streamer
FXFRQ : Cassette Đa hướng thổi có Streamer

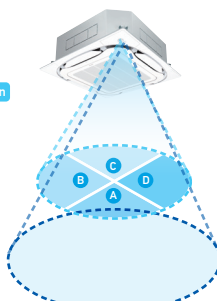
Công nghệ cảm biến tiên tiến Daikin

Cảm biến kép

Thoải mái và tiết kiệm năng lượng bởi tính năng cảm biến



Round flow with sensing



Chế độ cảm biến

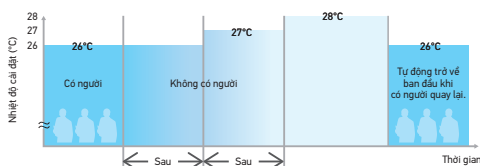
Tiết kiệm điện

Chế độ cảm biến tiết kiệm điện (mặc định: **TẮT**)

Khi không có người trong phòng thì nhiệt độ cài đặt sẽ được tự động nâng lên.

Ví dụ:

- Nhiệt độ cài đặt: 26°C
- Nhiệt độ nâng: 1.0°C
- Thời gian nâng nhiệt độ: 30 phút.
- Nhiệt độ làm lạnh giới hạn: 30°C



Chế độ cảm biến dừng (mặc định: **TẮT**)

Dựa trên điều kiện người dùng đã cài đặt trước đó, hệ thống tự dừng hoạt động khi phòng không có người.

*Có thể điều chỉnh thời gian nâng nhiệt độ và nhiệt độ cài đặt tại nơi lắp đặt.

Những tính năng này chỉ có trên model FXFTQ.

Điều khiển luồng gió độc lập

Mang lại sự thoải mái cho tất cả các kiểu nội thất và điều kiện căn phòng

Dễ dàng điều chỉnh với điều khiển từ xa có dây

Hướng thổi gió có thể được điều chỉnh độc lập cho từng cánh đảo gió giúp phân bố luồng không khí tối ưu.

Điều chỉnh luồng gió độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

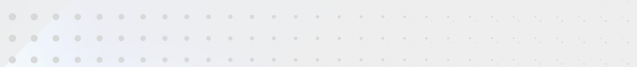
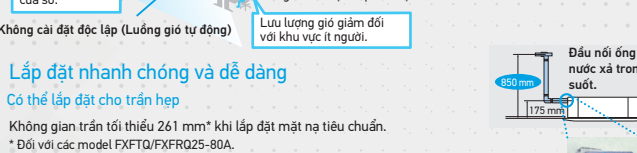
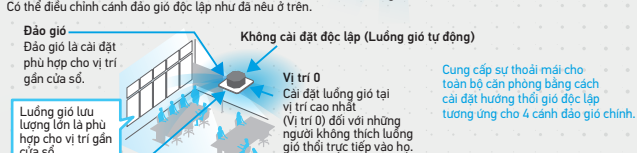
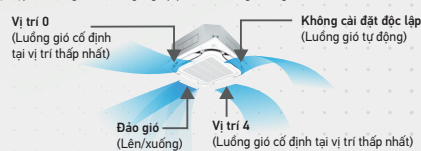
Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

Không cài đặt độc lập

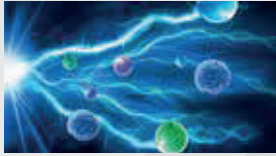




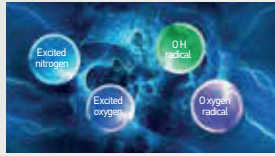
Công nghệ Streamer

Được trang bị công nghệ phân hủy, Streamer là một loại phóng điện plasma giúp loại bỏ các chất gây dị ứng như phấn hoa, nấm mốc và mạt, cũng như khử mùi, chống vi khuẩn đem lại cho bạn môi trường không khí trong lành hơn.

Cơ chế phân hủy của Streamer



Streamer phát ra các electron tốc độ cao.



Các electron va chạm và kết hợp với nitơ và oxy trong không khí để tạo thành bốn loại nguyên tố phân hủy mạnh mẽ.



Các yếu tố phân hủy cung cấp sức mạnh phân hủy.

Streamer phân hủy và loại bỏ các chất gây dị ứng chẳng hạn như phấn hoa, nấm mốc và mạt



15
phút
sau chiếu xạ



Được chứng minh với 13 chất gây dị ứng dựa trên phấn hoa bao gồm phấn hoa tuyết tùng và phấn hoa cây bạch.



15
phút
sau chiếu xạ



Đã được chứng minh với 6 chất gây dị ứng nấm bao gồm cả Alternaria và Eurotium.

Phấn hoa, nấm mốc và mạt (mạt chết) được đặt trên điện cực của bộ phát Streamer và sau đó được chụp qua kính hiển vi điện tử khi được chiếu xạ với bộ xả Streamer trong 15 phút.

<Nghiên cứu kết hợp với Đại học Y Wakayama.>



Tại sao chọn Streamer của Daikin

Được các cơ quan nhà nước công nhận là công nghệ sạch

Người chiến thắng
Giải thưởng Tiên bộ
năm 2005, Viện Tinh
điện Nhật Bản

Được trao giải thưởng cho sự phát triển của máy lọc không khí sử dụng công nghệ phóng điện Streamer DC.

105
bằng sáng chế
đã nhận được

Bằng sáng chế có liên quan đến công nghệ Streamer

Streamer, một loại phóng điện plasma, phân hủy các chất hóa học độc hại. Công suất phân hủy có thể so sánh với năng lượng nhiệt khoảng 100.000°C*

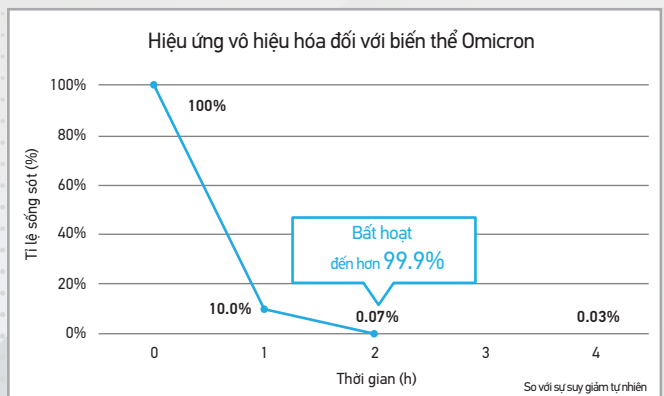


Lưu ý:

*So sánh sự phân hủy số oxi hóa.
Điều này không có nghĩa là nhiệt độ sẽ trở nên cao.

Kết quả thực nghiệm

Bộ phóng điện Streamer chiếu xạ trong hai giờ làm bất hoạt 99,93% và trong bốn giờ làm bất hoạt 99,97% biến thể Omicron của Coronavirus (SAR-CoV-2), khi so sánh với không phóng điện Streamer.



Phương pháp đánh giá

Trong thử nghiệm xác minh, chủng hCoV-19 / Japan / TY38-873 / 2021 (biến thể Omicron) đã được sử dụng. Hai hộp acrylic khoảng 31L được đặt trong tủ an toàn trong thiết bị BSL-3 và bộ phóng điện Streamer được lắp vào một trong các hộp acrylic. Cả hai hộp đều đặt máy lắc với đĩa 6 khoang, và 0,5 ml dung dịch vi rút được cho vào mỗi khoang của đĩa. Chiếu xạ Streamer được thực hiện trên một đĩa 6 khoang trong khi khuấy bằng máy lắc bập bênh. Sau 1, 2 và 4 giờ, dung dịch vi rút được thu thập, và hiệu giá vi rút được đo bằng phương pháp TCID50 sử dụng tế bào Vero E6 / TMPRSS2.

Ghi chú:

- Mô tả này liên quan đến Công nghệ Streamer do Daikin phát minh, nhưng không liên quan đến dàn lạnh này. Kết quả kiểm tra từ việc sử dụng Công nghệ Streamer được tạo ra theo các phương pháp kiểm tra do Daikin thực hiện. Mặc dù Công nghệ Streamer được tích hợp trong dàn lạnh này, nhưng điều này không có nghĩa là bạn sẽ có những kết quả tương tự khi sử dụng dàn lạnh này. Kết quả thực tế có thể khác tùy thuộc vào điều kiện lắp đặt sản phẩm và sử dụng sản phẩm thực tế, v.v.
- Kết quả thử nghiệm thu được đối với thiết bị phóng điện Streamer trong điều kiện phòng thí nghiệm. Tác dụng và kết quả của các sản phẩm được trang bị công nghệ Streamer có thể khác nhau trong điều kiện thực tế.

Thông số kỹ thuật

TÊN MODEL			FXFTQ25A	FXFTQ32A	FXFTQ40A	FXFTQ50A	FXFTQ63A	FXFTQ80A	FXFTQ100A	FXFTQ125A	FXFTQ140A
Nguồn điện			VM: 1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz hoặc V4/VS: 1-pha, 220 V, 50 Hz								
Công suất làm lạnh		Btu/h	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	30,700	38,200	47,800	54,600
		kW	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	9.0	11.2	14.0	16.0
Công suất sưởi		Btu/h	10,900	13,600	17,100	21,500	27,300	34,100	42,700	54,600	
		kW	3.2	4.0	5.0	6.3	8.0	10.0	12.5	16.0	
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	kW	0.028		0.035	0.056	0.061	0.092	0.164	0.170	0.194
	Sưởi		0.026		0.034	0.056	0.060	0.092	0.144	0.159	0.183
Vỏ máy			Thép mạ kẽm								
Lưu lượng gió (RC/C/TB/T/RT)		m³/phút	13/12.5/11.5/11/10		17/13.5/12.5/12/11	23/20.5/19/14.5/11	23.5/21/20/16/13.5	24.5/22/20.5/20/15	33.5/30.5/27/23.5/21	34.5/31.5/28.5/25.5/23	35.5/32.5/29.5/26.5/23
		cfm	459/441/406/388/353		600/477/441/424/388	812/724/671/512/388	830/741/706/565/477	865/777/724/706/530	1,183/1,077/953/830/741	1,218/1,121/1,004/900/812	1,253/1,147/1,041/935/812
Độ ồn (RC/C/TB/T/RT)		dB(A)	30/29.5/28.5/28/27		35/29.5/29/28/27	38/35/34.5/29.5/27	38/36/35.5/31.5/28	39/37/36/35.5/31	44/41/38/35/33	45/42.5/39.5/37/35	46/43.5/40.5/38/35
Kích thước (CxRx Dx)		mm	256×840×840						298×840×840		
Trọng lượng máy			kg	19			24	22		25	26
Ống kết nối	Lồng (Loe)	mm	φ 6.4				φ 9.5				
	Hơi (Loe)		φ 12.7				φ 15.9				
	Nước xả		VM/V4: VP25 (Đường kính ngoài 32/Đường kính trong 25) hoặc VS: Đường kính ngoài 34/Đường kính trong 25								

TÊN MODEL			FXFRQ25A	FXFRQ32A	FXFRQ40A	FXFRQ50A	FXFRQ63A	FXFRQ80A	FXFRQ100A	FXFRQ125A	FXFRQ140A
Nguồn điện			VM: 1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz hoặc V4/VS: 1-pha, 220 V, 50 Hz								
Công suất làm lạnh		Btu/h	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	30,700	38,200	47,800	54,600
		kW	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	9.0	11.2	14.0	16.0
Công suất sưởi		Btu/h	10,900	13,600	17,100	21,500	27,300	34,100	42,700	47,800	54,600
		kW	3.2	4.0	5.0	6.3	8.0	10.0	12.5	14.0	16.0
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	kW	0.029		0.036	0.040	0.063	0.096	0.158	0.178	0.203
	Sưởi		0.027		0.036	0.040	0.063	0.096	0.150	0.166	0.191
Vỏ máy			Thép mạ kẽm								
Lưu lượng gió (RC/C/TB/T/RT)		m³/phút	13/12.5/11.5/11/10		17/13.5/13/12/11	18/17/13.5/12.5/11	21/20/16/15/13.5	22.5/21.5/21/20/15	32/29/26/23/21	33/30.5/28/25/21	35.5/32.5/29.5/26.5/23
		cfm	459/441/406/388/353		600/477/459/424/388	635/600/477/441/388	741/706/565/530/477	794/759/741/706/530	1,130/1,024/918/812/741	1,165/1,077/988/900/741	1,253/1,147/1,041/935/812
Độ ồn (RC/C/TB/T/RT)		dB(A)	30/29.5/28.5/28/27		35/29.5/29/28/27	35/33.5/29.5/28.5/27	36/35.5/31.5/31/28	37/36.5/36/35.5/29.5	43/40.5/37.5/35/33	44/41.5/39/36/33.5	46/43.5/40.5/38/35
Kích thước (C×R×D)		mm	256×840×840						298×840×840		
Trọng lượng máy		kg	19				22		25		26
Ống kết nối	Lồng (Loe)	mm	φ 6.4				φ 9.5				
	Hơi (Loe)		φ 12.7				φ 15.9				
	Nước xả		VM/V4: VP25 (Đường kính ngoài 32/ Đường kính trong 25) hoặc VS: Đường kính ngoài 34/ Đường kính trong 25								

Ghi chú: Các thông số kỹ thuật dựa trên điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ bên trong: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ bên ngoài: 35°CDB, Chiều dài tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Sưởi: Nhiệt độ bên trong: 20°CDB, Nhiệt độ bên ngoài: 7°CDB, 6°CWB, Chiều dài tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh dựa trên tổng công suất danh định (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện, phòng không dội âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1.5 m.

Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này hơi cao do điều kiện môi trường xung quanh.

Danh sách tùy chọn

TÊN MODEL		FXFTQ25,32,40,50,63,80A	FXFTQ100,125,140A	FXFRQ25,32,40,50,63,80A	FXFRQ100,125,140A
Mặt nạ có cảm biến	Trắng sáng	BYCQ125EEF		-	
	Đen	BYCQ125EEK		-	
Mặt nạ tiêu chuẩn	Trắng sáng	BYCQ125EAF		BYCQ125EAF	
	Đen	BYCQ125EAK		BYCQ125EAK	
Miếng đệm mặt nạ		KDB55J160F		KDB55J160F	
Bộ lấy gió tươi	Loại khoang ^{1,2,4}	Không nối ống chữ T	KDDP55C160 [Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55C160-2]		KDDP55C160 [Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55C160-2]
		Nối ống chữ T	KDDP55C160K [Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55C160K2]		KDDP55C160K [Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55C160K2]
	Loại lắp đặt trực tiếp ³	KDDP55X160A		KDDP55X160A	
Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao		KAF5511D160		KAF5511D160	
Khoang nối ống gió nhánh		KDJP55C80	KDJP55C160	KDJP55C80	KDJP55C160
Bộ cách nhiệt độ ẩm cao ⁵		KDTP55K80A	KDTP55K160A	KDTP55K80A	KDTP55K160A
Điều khiển từ xa có dây thời trang ⁶		BRC1H62W/BRC1H62K		BRC1H62W/BRC1H62K	
Bộ điều hợp cho dây (dầu ra trạng thái hoạt động) ⁷		BRP11B62		BRP11B62	
Bộ tiếp hợp đầu vào kỹ thuật số ⁷		BRP7A52		BRP7A52	
Bộ tiếp hợp dây cho phụ kiện điện ⁷		KRP4AA53		KRP4AA53	
Hộp lắp đặt cho bộ mạch tiếp hợp		KRP1H98A		KRP1H98A	
Cảm biến từ xa		BRCS01A-5		BRCS01A-5	
Bộ tiếp hợp cho điều khiển bên ngoài dàn nóng ⁷		DTA104A62		DTA104A62	
Bộ multi tenant cho dàn lạnh (Loại 24V) ⁷		BRP114A61		BRP114A61	
Multi tenant cho bộ tăng cường (Loại 24V)		BRP114A63		BRP114A63	

- Lưu ý: 1. Khi lắp đặt bộ lấy gió tươi (khoang lọc), hai góc ra của ống dẫn khí sẽ bị đóng lại.
2. Khuyến cáo rằng khối lượng không khí ngoài trời được thông qua bộ được giới hạn ở mức 10% tốc độ không khí tối đa của dàn lạnh.
- Việc đưa ra số lượng lớn hơn sẽ làm tăng âm thanh hoạt động và có thể cảm nhận nhiệt độ.
3. Khối lượng không khí trong lành cho loại lắp đặt trực tiếp khoảng 1% dòng không khí trong nhà. Loại khoang được khuyến cáo khi cần thêm không khí trong lành.
4. Số đặt hàng bằng cách sử dụng tên của cả hai thành phần thay vì đặt tên.
5. Hãy sử dụng trong trường hợp nhiệt độ / độ ẩm bên trong trần có thể vượt quá 30°C, 80% RH.
6. Dây cho bộ điều khiển được mua tại đại phương.
7. Cần hỏi đại lý để bộ chuyển đổi PCB (KRP1H98A).



CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

VĂN PHÒNG CHÍNH
Tầng 12, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (028) 62 504 888

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower,
1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (024) 3565 7677

CHI NHÁNH CẦN THƠ
37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An,
P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
Tel: (0292) 626 9977

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Số 7 lô 8A đường Lê Hồng Phong,
P. Đồng Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (0225) 383 2900

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA
Tầng 8, tòa nhà VCN, Số 2 Tổ Hữu,
Khu đô thị VCN, P. Phước Hải, TP. Nha Trang
Tel: (0258) 625 8158

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Tầng 12, tòa nhà PVComBank, Lô A2.1, Đường 3/4,
P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0236) 362 4250

CHI NHÁNH NGHỆ AN
Tầng 2, Tòa nhà Golden City,
25 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Lê Mao, TP Vinh
Tel: (0238) 872 7785



DỊCH VỤ SAU BÁN HÀNG
HOTLINE
1800 6777
1800 1577
(miễn phí)

 DaikinVietnam  www.daikin.com.vn